

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 54

LUẬN VỀ BẤT THIÊN (Phần 9)

Có năm loại Bồ-đặc-già-la, đó là tùy tín hành-tùy pháp hành-tín thắng giải-kiến trí và thân chứng, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao Tôn Giả ở trong chương Kiết Uẩn này giữa vào năm loại

Bồ-đặc-già-la mà soạn luận, trong chương trí Uẩn-Định uẩn ở sau dựa vào bảy loại Bồ-đặc-già-la mà soạn luận, đó là từ năm loại này có thêm vào Tuệ giải thoát và câu giải thoát?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, trong chương Kiết uẩn này dựa vào người có kiết mà soạn luận cho nên không nói đến hai loại sau, trong chương Trí uẩn-Định uẩn dựa vào người có Trí-Định mà soạn luận, cho nên người có Kiết-không có kiết đều cần phải nói đến. Lại nữa, trong chương Kiết uẩn này dựa vào người có phiền não mà soạn luận cho nên không nói đến hai loại sau, trong chương Trí uẩn-Định uẩn dựa vào người có Trí-Định mà soạn luận, cho nên người có phiền não-không có phiền não đều cần phải nói đến. Lại nữa, trong chương kiết uẩn này lấy Bồ-đặc-già-la làm chương mục, lấy phiền não làm môn loại cho nên không nói đến hai loại sau, trong chương Trí uẩn-Định uẩn lấy Bồ-đặc-già-la làm chương mục, lấy Trí-Định làm môn loại cho nên cũng nói đến hai loại sau. Vì vậy, chương này chương kia dựa vào năm loại- dựa vào bảy loại Bồ-đặc-già-la mà soạn ra luận.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy tính hành? Nghĩa là có một loại, vốn có bầm tánh nhiều tin tưởng- nhiều yêu quý-nhiều ân nghĩa-nhiều ưa thích- nhiều tùy thuận-nhiều thắng giải, không thích suy tính-quan sát-lựa chọn, bởi vì bầm tánh nhiều tin tưởng... ấy, cho nên có lúc gặp được

quan trọng cho nghe, rộng ra vì họ mà trình bày rõ ràng về các nghĩa vô thường- khổ- không- Vô ngã... người ấy dấy lên nghĩ rằng: Đã nói cho mình về các nghĩa vô thường-khổ-không-Vô ngã... thật là tốt lành thay, muốn khiến cho mình tu quán hành như vậy, mình cần phải tinh tiến chịu khó tu học không trái ngược! Người ấy chịu khó tu học quán xét về các nghĩa vô thường-khổ-không-Vô ngã..., đã thuần thực rồi dần dần mở dấy khởi Thế đệ nhất pháp, sau đó tiếp tục gọi mở phát sinh khổ pháp trí nhãn. Từ lúc kiến đạo nay cho mười lăm Xác-na tất cả đều gọi là người tùy tín hành. Bồ-đặc-già-la Tùy tín hành này, hoặc là Dự lưu hướng, hoặc là Nhất lai hướng, hoặc là Bất hoàn hướng. Nghĩa là nếu có phiền não, hoặc là cho đến đoạn trừ năm phẩm kiết rồi tiến vào chánh thánh ly sinh, người ấy ở trong khoảng mười lăm tâm kiến đạo, thì gọi là Dự lưu hướng; nếu đoạn trừ sáu phẩm kiết, hoặc là cho đến phạm trừ tám phẩm kiết rồi tiến vào chánh thánh ly sinh, người ấy ở trong khoảng mười lăm tâm kiến đạo, thì gọi là Nhất lai hướng; nếu lià nhiễm của cõi Dục hoặc là cho đến lià nhiễm của vô sở hữu xứ rồi tiến vào chánh thánh ly sinh, người ấy ở trong khoảng mười lăm tâm kiến đạo, thì gọi là rất hoàn hướng.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la tùy pháp hành? Nghĩa là có một loại, vốn có bả tánh nhiều tin suy nghĩ-nhiều lường xét-nhiều quan sát-nhiều lựa chọn, không nên tin tưởng yêu quý-ân nghĩa-vui thích-tùy thuận cùng với Thánh giả bởi vì bả tánh nhiều suy nghĩ... ấy, cho nên có lúc gặp được Đức Phật hoặc là đệ tử của Phật giảng dạy khuyên nhủ nói về pháp quan trọng cho nghe, rộng ra vì họ mà trình bày rõ ràng về các nghĩa vô thường-khổ-không-Vô ngã... người ấy dấy lên nghĩ rằng: Đã nói cho mình về các nghĩa vô thường-khổ-không-Vô ngã..., mình cần phải quan sát là thực hay là giả? Quán sát tường tận rồi biết là không có gì điên đảo, lại dấy lên nghĩ rằng... thật là tốt lành thay, muốn khiến cho mình tu quán hành như vậy, mình cần phải tinh tiến chịu khó tu học không trái ngược! Phần còn lại nói rộng ra như Tùy tín hành. Thế nào là Bồ-đặc-già-la. Tính thắng giải? Nghĩa là tùy tín hành đạt được đạo loại trí, rời bỏ Tùy tín hành mà đạt được Tín thắng giải.

Hỏi: Người ấy vào lúc bấy giờ đã bỏ gì, đã đạt được gì.?

Đáp: Rời bỏ tên gọi-đạt được tên gọi, rời bỏ đạo-đạt được đạo. Rời bỏ tên gọi là rời bỏ tên gọi Tùy tín hành, đạt được tên gọi là đạt được tên gọi Tín thắng giải, rời bỏ đạo là rời bỏ kiến đạo, đạt được đạo là đạt được tu đạo. Bồ-đặc-già-la Tín thắng giải này hoặc là Dự lưu quả, hoặc là Nhất lai hướng, hoặc là Nhất lai quả, hoặc là Bất hoàn hướng,

hoặc là Bất hoàn quả, hoặc là A-la-hán hương. Nghĩa là dần lại ở quả Dự lưu chưa đi vào được, thì gọi là quả Dự lưu; nếu từ đây được tiến vào gọi là Nhất lai hương; nếu dần lại ở quả Nhất lai chưa đi vào được, thì gọi là quả Nhất lai; nếu từ đây được tiến vào thì gọi là Bất hoàn hương; nếu dừng lại ở quả Bất hoàn chưa đi vào được, thì gọi là quả Bất hoàn; nếu từ đây được tiến vào thì gọi là A-la-hán hương.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Kiến trí? Nghĩa là tùy pháp hành đạt được đạo loại trí, rời bỏ tùy pháp hành mà đạt được kiến trí.

Hỏi: Người ấy vào lúc bấy giờ đã rời bỏ gì-đã đạt được gì?

Đáp: Các sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy. “Bỏ rời bỏ tên gọi- đạt được tên gọi; rời bỏ đạo-đạt được đạo. Rời bỏ tên gọi là rời bỏ đạo rời bỏ tên tín thắng giải hoặc là Kiến trí, đạt được tên gọi là đạt được tên gọi Thân chứng, rời bỏ đạo là rời bỏ tín thắng giải hoặc là Kiến chí, đạt được đạo là đạt được đạo của Thân chứng”. Các luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Loại này rời bỏ tên gọi-đạt được tên gọi, chứ không phải là rời bỏ đạo-đạt được đạo, bởi vì lúc tín thắng giải của-đạt được diệt định thì không rời bỏ-không đạt được đạo Vô học”.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la Tuệ giải pháp? Nghĩa là tín thắng giải hoặc là kiến chí dùng Tuệ trừ hết các lậu, chưa dùng thân để chứng đầy đủ tám giải thoát, người ấy rời bỏ tín thắng giải hoặc là kiến chí mà đạt được Tuệ giải thoát.

Hỏi: Người ấy vào lúc đã rời bỏ gì, đã đạt được gì?

Đáp: Rời bỏ gọi-đạt được tên gọi, rời bỏ đạo-đạt được đạo. Rời bỏ tên gọi là rời bỏ tên gọi tín thắng giải hoặc là Kiến chí, đạt được tên gọi là đạt được tên gọi Tuệ giải thoát, rời bỏ đạo là rời bỏ tu đạo là đạt được đạo là đạt được đạo Vô học.

Thế nào là Bồ-đặc-già-la câu giải thoát? Nghĩa là Tuệ giải pháp, hoặc là Kiến chí hoặc là Thân chứng, dùng Thân để chứng đầy đủ tám giải thoát, cũng dùng Tuệ giải hết các lậu, người ấy rời bỏ Tuệ giải pháp-hoặc là Kiến chí-hoặc là Thân chứng mà đạt được câu giải thoát. Nếu trước thì đạt được quả A-la-hán, sau đạt được diệt định người ấy rời bỏ Tuệ giải pháp mà đạt được Câu giải pháp. Nếu trước thì đạt được, đạt được tên gọi chứ không phải là rời bỏ đạo-đạt được đạo; như nói rời bỏ tín thắng giải... đạt được Thân chứng. Nếu trước là đạt được diệt định, sau là đạt được quả A-la-hán, thì người ấy rời bỏ Thân chứng mà đạt câu giải thoát; rời bỏ tên gọi-đạt được tên gọi, gọi Câu giải thoát, rời bỏ đạo là rời bỏ tu đạo, rời bỏ tu đạo, đạt được đạo là đạt được đạo vô học. Nếu là Bồ Tát chứng được vô thượng chánh

đẳng Bồ Đề, thì lúc có tận trí ấy rời bỏ Kiến chí mà đạt được câu giải thoát, rời bỏ tên gọi-đạt được tên gọi, rời bỏ đạo-đạt được đạo. Rời bỏ tên gọi là rời bỏ tên gọi Kiến chí, bởi vì Bồ Tát ở phần tu đạo gọi là Kiến chí; đạt được tên gọi là đạt được tên gọi câu giải thoát, bởi vì chư Phật đều là câu giải thoát; rời bỏ đạo là rời bỏ tu đạo, đạt được đạo là đạt được đạo Vô học.

Sư phương tây nói: “Bồ Tát ở phần vị học, trước khởi lên diệt định- sau đạt được Bồ-Đề, lúc ấy rời bỏ Thân chứng-đạt được câu giải thoát”. Các Luận sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Bởi vì ba mươi bốn niêm đạt được Bồ Đề, bởi vì Bồ Tát có phần vị học, chưa khởi lên diệt định, lúc có Tận trí thì chắc chắn rời bỏ kiến chí mà đạt được câu giải thoát; bởi vì chắc chắn không có người đột căn nào chưa đạt được diệt định mà lúc đạt được Tận trí thì trở thành bậc câu giải thoát, cho nên không có ai rời bỏ tín thắng giải mà đạt câu giải thoát”.

Hỏi : Vì sao gọi là câu giải thoát?

Đáp: Chương có hai phần:

1. Phiền não chương.
2. Giải thoát chương.

Đối với hai phần trước thì tâm đều giải thoát, cho nên gọi câu giải thoát.

Hỏi: Nếu trước đạt quả A-la-hán, sau đạt được diệt định, thì lúc ấy tâm giải thoát như thế nào đối với giải thoát chương, Hữu lậu hay là Vô lậu?

Đáp : Có người nói là Hữu lậu, bởi vì lúc tâm Vô lậu đạt được tận trí này.

Lời bình: Nếu đưa ra cách nói này: Hữu lậu là Vô lậu đều được giải thoát. Nguyên cố nào? Bởi vì giải thoát có hai loại:

1. Hành thế giải thoát.
2. Tại thân giải thoát người ấy vào lúc chưa đạt được diệt định, thì nhập định-xuất định mà tâm không đạt được hành thế, bởi vì không hành thế cho nên không đạt được tại thân. Nếu đạt được diệt định thì nhập định-xuất định mà tâm hành thế- tại thân, cho nên gọi là giải thoát. Vì vậy hai tâm Hữu lậu-Vô lậu đều được giải thoát. Như câu giải thoát vì vậy hai tâm Hữu lậu-Vô lậu đều được giải thoát. Như câu giải thoát dựa vào nghĩa mà thiết lập tên gọi, năm loại trước thiết lập tên gọi cũng nên dựa vào nghĩa.

Hỏi : Vì sao gọi là tùy tín hành?

Đáp: Bởi vì người ấy dựa vào niềm tin, thuận theo niềm tin mà

thực hành, cho nên gọi là tùy tín hành. Nghĩa là dựa vào niềm tin Hữu lậu thuận theo niềm tin vô lậu mà thực hành, dựa vào niềm tin có ràng buộc thuận theo niềm tin giải thoát mà thực hành dựa vào niềm tin có hệ thuộc thuận theo niềm tin là hệ thuộc àm thực hành, do niềm tin làm đầu tiên mà có thể tiến vào Thánh đạo. Chủng loại Bồ-đặc-già-la như vậy, bởi vì từ xưa đến nay tánh có nhiều tin tưởng nếu nghe người khác khuyên bảo: Ông nên làm nghề nông để tự nuôi sống mình! Người ấy không suy nghĩ xem xét, là mình nên làm hay không nên làm, là mình có thể làm hay là không có thể làm, là có thích hợp hay là không có gì thích hợp? Nghe rồi làm theo. Hoặc nghe người khác khuyên bảo: Ông nên buôn bán hoặc nên làm vua, hoặc nên học tập các loại kĩ nghệ như viết chữ- tính toán-in ấn... Để tự nuôi sống mình! Cũng không suy nghĩ xem xét, nói rộng cho đến nghe rồi làm theo. Hoặc nghe người khác khuyên bảo: Ông nên xuất gia! Cũng không suy nghĩ xem xét, là nên xuất gia hay là không nên xuất gia, là có thể xuất gia hay là không thể xuất gia, là có thể trì giới hay là không thể nào trì giới, là có thuận tiện hay là không có gì thuận tiện. Nghe người ta khuyên bảo rồi lập tức xuất gia. Đã xuất gia rồi, nếu nghe người khác khuyên bảo: Ông nên luyện tập đọc tụng! Người ấy không suy nghĩ xem xét, là nên luyện tập đọc tụng hay là không nên luyện tập đọc tụng, là có thể luyện tập đọc tụng hay là không thể nào luyện tập đọc tụng, là có thuận tiện hay là không có gì thuận tiện, là Tố-đát-lãm, là Tỳ-nại-da, là A-tỳ-đạt-ma. Nghe người ta khuyên bảo rồi lập tức luyện tập đọc tụng. Hoặc nghe người khác khuyên bảo: Quản lý do liệu công việc của Tăng! Cũng không suy nghĩ xem xét, là mình nên làm hay là không nên làm, là mình có thể làm hay là không thể nào làm, là có thuận tiện hay là không có gì thuận tiện? Nghe rồi liền làm theo. Hoặc nghe người khác khuyên bảo: Ở chốn A-luyện-nhã! Cũng không suy nghĩ xem xét, là mình nên ở hay là không nên ở, là mình có thể ở hay là không thể nào ở được, là có thuận tiện hay là không có gì thuận tiện? Nghe rồi liền ở. Người ấy dần dần tu gia hạnh Thánh đạo lần lượt chuyển đổi dần dần phát khởi Thế đệ nhất pháp, không ngừng dần dần sinh ra Khổ pháp trí nhãn, từ mười lăm sát-na Kiến đạo này gọi là Tùy tín hành.

Hỏi: Vì sao gọi là Tùy pháp hành?

Đáp: Bởi vì người ấy dựa vào pháp, thuận theo pháp mà thực hành, cho nên gọi là Tùy pháp hành. Nghĩa là dựa vào pháp hữu lậu tùy theo pháp vô lậu mà thực hành, dựa vào pháp có ràng buộc thuận theo pháp giải pháp mà thực hành, giữa vào pháp có hệ thuộc thuận theo

pháp lia hệ thuộc mà thực hành, do tuệ làm đầu tiên mà có thể tiến vào Thánh đạo. Chủng loại Bồ-đặc-già-la như vậy, bởi vì từ xưa đến nay tánh có nhiều tuệ, nếu nghe người khác khuyên bảo: Ông nên làm nghề nông để tự nuôi sống mình! Người ấy liền suy nghĩ xem xét, là mình nên làm hay là không nên làm, là mình có thể làm hay là không có thể làm, là có thích hợp hay là không có gì thích hợp? Suy nghĩ xem xét kỹ càng rồi sau đó mới làm. Còn lại nói rộng ra như phần Tùy tín hành ở trước. Người ấy dần dần tu gia hạnh Thánh đạo lần lượt chuyển đổi dần dần phát khởi Thế đệ nhất pháp, không ngừng dần dần sinh ra Khổ pháp trí nhãn, từ mười năm sát-ma Kiến đạo này gọi là Tùy pháp hành.

Hỏi: Người tùy tín hành, như có niềm tin như vậy cũng có tuệ như vậy; người tùy pháp hành, như có tuệ như vậy cũng có niềm tin như vậy; tại sao một loại gọi là Tùy tín hành, một loại gọi là Tùy pháp hành?

Đáp: Hoặc là chỉ tin theo người khác lần lượt chuyển đổi tu hành mà tiến vào Thánh đạo, hoặc tự mình suy nghĩ xem xét lần lượt chuyển đổi tu hành mà tiến vào Thánh đạo. Nếu người chỉ tin theo người-khác lần lượt chuyển đổi tu hành tiến vào Thánh đạo, thì gọi là Tùy tín hành, nếu người tự mình suy nghĩ xem xét lần lượt chuyển đổi tu hành tiến vào Thánh đạo, thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là do lực của nhân-Lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đầu không rộng lớn mà tiến vào Thánh đạo, hoặc là do ba lực thấy đều rộng lớn mà tiến vào Thánh đạo; nếu do ba lực đều không rộng lớn mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy tín hành, nếu do ba lực thấy đều rộng lớn mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là do thực hành mà chỉ tiến vào Thánh đạo, hoặc là do thực hành quán mà tiến vào Thánh đạo, nếu do thực hành chỉ mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy tín hành, nếu do thực hành quán mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là vui với Xa-ma-tha, hoặc là vui với Tỳ-bát-xá-na, vui với Xa-ma-tha thì gọi là Tùy tín hành, vui với Tỳ-bát-xá-na thì gọi là Tùy pháp hành. Như vui với (Lạc), thì vui mừng (Hỷ)- ham muốn (Dục) cũng như vậy.

Lại nữa, hoặc là do Chỉ làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo, hoặc là do Quán làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo, nếu do Chỉ làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy tín hành, nếu do Quán làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là có Xa-ma-tha tăng lên, hoặc là có Tỳ-bát-xá-na tăng lên thì gọi là Tùy tín hành, Tỳ-bát-xá-na tăng lên thì gọi là Tùy pháp hành.

Lại nữa, hoặc là do Chỉ xông ướp tâm dựa vào Quán đạt được giải

thoát, hoặc là do Quán xông ướp tâm dựa vào Chỉ đạt được giải thoát; nếu do Chỉ xông ướp tâm dựa vào Quán đạt được giải thoát thì gọi là Tùy tính hành, nếu do Quán xông ướp tâm dựa vào Chỉ đạt được giải thoát thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là có căn chậm chạp, hoặc là có căn nhanh nhạy; nếu căn chậm chạp thì gọi là Tùy tín hành, nếu căn nhanh nhạy thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là có giảng giải về trí, hoặc là có khai nở về trí; có giảng giải về trí thì gọi là Tùy tính hành, có khai nở về trí thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là do lực của duyên mà tiến vào Thánh đạo, hoặc là do lực của nhân mà tiến vào Thánh đạo; nếu do lực của duyên mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy tín hành, nếu do lực của nhân mà tiến vào Thánh đạo thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là đạt được Xa-ma-tha tăng thượng tâm chứ không phải là Tùy-bát-xá-na tăng thượng tuệ, hoặc là đạt được Tùy-bát-xá-na tăng thượng tuệ chứ không phải là Xa-ma-tha tăng thượng tâm; loại trước gọi là Tùy tín hành, loại sau gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, như Đức Thế Tôn nói hai nhân-hai duyên có thể phát sinh chánh liên, một là nghe pháp âm của người khác, hai là bên trong đạt ý đúng như lý; nếu bên ngoài nghe nhiều pháp âm của người khác thì gọi là Tùy tín hành, nếu bên trong, phần nhiều đạt ý đúng như lý thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, như trong kinh nói: “Người có bốn pháp có nhiều những việc làm:

1. Thân cận Thiện sĩ.
2. Lắng nghe chánh pháp,
3. Tác ý đúng như lý.

4. Pháp thuận theo pháp hành” Nếu cận thân thiện sĩ và lắng nghe chánh pháp nhiều thì Tùy chánh hành, nếu có tác ý đúng như lý và pháp thuận theo pháp hành thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là có an trú nhiều trong căn thiện vô tham, hoặc có an trú trong an thiện vô si; an trú có nhiều trong căn thiện vô tham thì gọi là Tùy tính hành, an trú nhiều trong căn thiện vô si thì gọi là Tùy pháp hành. Lại nữa, hoặc là có bên ngoài tin theo hữu tình, hoặc có bên trong suy nghĩ về chánh pháp; bên ngoài tin theo hữu tình thì gọi là Tùy tín hành, bên trong suy nghĩ về chánh pháp; bên ngoài tin theo hữu tình thì gọi là Tùy tín hành, bên trong suy nghĩ về chánh pháp thì gọi là Tùy pháp hành.

Hỏi: Vì sao gọi là Tín thắng giải ?

Đáp: Bởi vì người ấy dựa vào niềm tin mà đạt được Tín thắng giải, cho nên gọi là Tín thắng giải. Nghĩa là dựa vào niềm tin do kiến đạo thâm nhiếp mà đạt được Tín thắng giải do Tu đạo thâm nhiếp, dựa vào

niềm tin do Hưởng đạo thâm nhiếp mà đạt được Tín thắng giải do Quả đạo thâm nhiếp. Lại nữa, bởi vì Bồ-đặc- già-la ấy lấy niềm tin làm đầu tiên để tâm cõi bỏ ba kiết, cho nên gọi là Tín thắng giải.

Hỏi: Vì sao gọi là kiến chí ?

Đáp: Bởi vì người ấy dựa vào kiến giải đạt được mà đến với kiến giải, cho nên gọi là kiến chí. Nghĩa là dựa vào kiến giải do kiến đạo thâm nhiếp mà được đến với kiến giải do Tu đạo thâm nhiếp, dựa vào kiến giải do kiến đạo thâm nhiếp mà được đến với kiến giải do Tu đạo thâm nhiếp, dựa vào kiến giải do hưởng đạo thâm nhiếp mà được đến với kiến giải do Quả đạo thâm nhiếp. Lại nữa, bởi vì Bồ-đặc-già-la ấy lấy kiến giải làm đầu tiên để tâm trừ bỏ ba kiết, cho nên gọi là kiến chí.

Hỏi: Tín thắng giải cũng nên gọi là Tín chí, kiến chí cũng nên gọi là kiến thắng giải, tại sao một loại gọi là Tín thắng giải, một loại gọi là kiến chí?

Đáp: Như tín thắng giải gọi là tín thắng giải thì kiến chí cũng nên gọi là kiến thắng giải, như kiến chí gọi là kiến chí thì tín thắng giải cũng nên gọi là tín chí, mà không như vậy là muốn làm rõ về tướng trạng khác nhau-môn loại khác nhau để nói đến pháp, khiến cho những người trí yêu thích thọ trì không tạp loạn lẫn nhau.

Hỏi: vì sao gọi là Thân chứng?

Đáp: Bởi vì người ấy dùng thân để chứng tám giải thoát, chưa dùng tuệ để trừ hết các lậu, cho nên gọi là thân chứng.

Hỏi: vì sao gọi là Tuệ giải thoát?

Đáp: Bởi vì người ấy dùng tuệ giải thoát. Tên gọi câu giải thoát như trước đã giải thích.

Hỏi: Như trong kiến đạo dựa vào căn nhanh nhạy-chậm chạp khác nhau để kiến lập hai loại Bồ-đặc-già-la, đó là tùy tín hành và tùy pháp hành; Trong Tu đạo cũng dựa vào căn nhanh nhạy-chậm chạp khác nhau để kiến tập hai loại Bồ-đặc-già-la, đó là Tín thắng giải và kiến chí; tại sao trong đạo vô học không dựa vào căn nhanh nhạy-chậm chạp khác nhau để kiến tập hai loại Bồ-đặc-già-la, mà nói chung là một, hoặc là Tuệ giải thoát- hoặc là câu giải thoát?

Đáp: Từ cõi Dục cho đến vô sở hữu xứ, hoặc là đạo hữu lậu làm pháp đối trị đoạn trừ, hoặc là đạo vô lậu làm pháp đối trị đoạn trừ, nếu Phi tướng phi phi tướng xứ thì chỉ riêng đạo vô lậu làm pháp trị đoạn trừ, cho nên thiết lập chung làm một Bồ-đặc-già-la. Lại nữa, phần vị trước hoặc là có hành giải nhiều mạn, hoặc là có hành giả không mạn, nếu vào lúc lìa nhiễm của phi tướng phi phi tướng xứ thì thân điều không có

man, cho nên thiết lập chung toàn một Bồ-đặc-già-la. Lại nữa, bởi vì phần vị vô học là giải thoát bình đẳng, cho nên thiết lập chung làm một Bồ-đặc-già-la; như trong kinh nói “Như Lai giải thoát là A-La-Hán tùy theo giải thoát như nhau không có gì sai biệt”. Lại nữa, bởi vì phần vị vô học cùng cắt đứt búi tóc của phiền não ba cõi, cùng cắt đứt đầu cổ phiền não của Hữu Đảnh, cùng vượt qua cửa ái bến sông của thân đời sau của ba cõi, cùng vất bỏ tất cả ái dục của ba cõi, cho nên thiết lập chung làm một Bồ-đặc-già-la, đó là thì giải thoát và Bất thời giải thoát.

Hỏi: Nếu như vậy chỉ cần kiến lập hai loại Bồ-đặc-già-la, đó là phần vị Kiến-Tu-Vô học đều có hai loại; thì Tùy tín hành cho đến loại thứ sáu là Bất thời giải thoát, làm sáu biến lập là bảng loại Bồ-đặc-già-la?

Đáp: Bởi vì năm duyên thoát:

5. Bởi vì Định và giải thoát. Bởi vì gia hạnh, đó là Tùy tính hành và Tùy pháp hành.

Bởi vì căn, đó là Tín thắng giải và Kiến chí. Bởi vì Định, đó là Thân chứng. Bởi vì giải thoát, đó là Tuệ giải thoát. Bởi vì Định và giải thoát, đó là cửa giải thoát.

Tùy tín hành thì nên nói là một, đó là trong bảy loại gọi là Tùy tín hành .

Hoặc nên nói là ba, đó là bởi vì căn, tức là Hạ-Trung-Thượng. Hoặc nên nói là năm, đó bởi vì chủng tánh, tức là lui sụt pháp cho đến có thể thông hiểu. Hoặc nên nói là mười lăm đó là bởi vì Đạo, tức là phần vị Khổ Pháp trí nhãn cho đến phần vị đạo loại trí nhãn. Hoặc nên nói là bảy mươi ba, đó là bởi vì lìa nhiễm, tức là cõi Dục vốn có phiền não, là nhiễm của một phẩm cho đến chín, cõi Dục là thứ mười; tức là Tĩnh sự thứ nhất một phẩm cho đến chín phẩm là chín, tổng cộng là bảy mươi ba. Hoặc nên nói là sau trăm năm mươi bảy, đó là bởi vì sở y, tức là sở y của ba châu-sáu tầng trời cõi Dục điều có bảy mươi ba loại nói ở trước. Nếu dùng căn- chủng tánh-Đạo-lìa nhiễm và sở y, hợp với hai, hợp với ba, hợp với bốn, hợp với năm, thì số lượng ấy tăng thêm như ý cần phải suy nghĩ! Nếu dùng sát-na thuộc về thân thể phân tích thì phải nói là vô lượng, Tùy tín hành thì trong này nói chung một Tùy tín hành.

Như số lượng của Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng như vậy, bởi vì căn-Đạo-lìa nhiễm và sở y giống nhau; chỉ có chủng tánh là khác biệt, bởi vì Tùy pháp hành chỉ là chủng tánh bất động thân nhiếp.

Tín thắng giải thì hoặc nên nói là một, đó là trong bảy loại gọi là

Tín thắng giải. Hoặc nên nói là ba, đó là bởi vì Căn. Hoặc nên nói là năm, đó là bởi vì chủng tánh. Hoặc nên nói là tám mươi mốt, đó là bởi vì lìa nhiễm, tức là cõi dục vốn có phiền não, lìa nhiễm của một phẩm cho đến chín phẩm là mười; lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ đều có một phẩm cho đến tám phẩm là tám, tổng cộng là tám mươi mốt. Có người nói bởi vì lìa nhiễm cho nên phải nói là tám mươi hai, đó là tám mươi mốt loại nói ở trước cộng thêm lìa nhiễm thuộc phẩm thứ chín của hữu đẳng vào lúc có đạo vô gián. Hoặc nên nói là bốn trăm lẻ năm, đó là bởi vì sở y, tức là sở y của cõi Dục có tám mươi mốt, sở y của Tĩnh lự thứ ba có năm mươi bốn, sở y của tĩnh lự thứ tư có bốn mươi lăm, sở y của không vô biên xứ có ba mươi sáu, sở y của thức vô biên xứ có hai mươi bảy, sở y của vô sở hữu xứ có mười tám, sở y của phi tưởng phi phi tưởng xứ có chín, đó là cõi ấy vốn có phiền não và lìa nhiễm từ một cho đến tám phẩm là chín, tổng cộng là bốn trăm lẻ năm.

Có người nói: Ở đây nên nói là bốn trăm mười bốn, đó là sở y của cõi dục có tám mươi hai, sở y của tĩnh lự thứ nhất có bảy mươi ba, sở y của tĩnh lự thứ hai có sáu mươi bốn, sở y của tĩnh lự thứ ba có năm mươi lăm, sở y của tĩnh lự thứ tư có bốn mươi sáu, sở y của không biên xứ có ba mươi bảy, sở y của thức vô biên xứ có hai mươi tám, sở y của vô sở hữu xứ có mười chín, sở y của phi tưởng phi phi tưởng xứ có mười, nghĩa là cõi ấy vốn có phiền não và lìa nhiễm từ phẩm một cho đến phẩm tám là chín, lìa phẩm thứ chín vào lúc có đạo vô gián là thứ mười của cõi ấy. Đây là dựa vào sở y của chín địa để phân biệt, nếu dựa vào sở y của hai mươi chín xứ để phân biệt thì số lượng ấy nhiều ít, như lý cần phải suy nghĩ ! Bởi vì căn-chủng-tánh-lìa nhiễm và sở y hợp với hai-ba-bốn thì số lượng càng tăng thêm nhiều, nếu dùng sát-na thuộc về thân để phân tích thì phải nói là vô lượng, Tín thắng giải thì trong này nói chung là một Tín thắng giải.

Như Tín thắng giải, thì kiến chí cũng như vậy, bởi vì căn-lìa nhiễm và sở y giống nhau; chỉ có chủng tánh là khác biệt, bởi vì các kiến chí chỉ là chủng tánh bất động thân nhiếp. Thân chứng thì hoặc nên nói là một, đó là trong bảy loại gọi là thân chứng. Hoặc nên nói là ba, đó là bởi vì Căn. Hoặc nên nói là chín, đó là bởi vì lìa nhiễm, tức là phi tưởng phi phi tưởng xứ vốn có phiền não và lìa nhiễm từ một phẩm cho đến tám phẩm là chín.

Lại có người nói: ở đây nên nói là mười, đó là ngay chín loại trước cộng thêm lìa nhiễm thuộc phẩm thứ chín vào lúc có đạo vô gián, là thứ

mười của cõi ấy.

Hoặc nên nói là hai mươi bảy, đó là bởi vì sở y, tức là sở y của cõi dục có chín, sở y của cõi sắc có chín, sở y của cõi vô sắc có chín; ở đây chỉ có phi tướng phi phi tướng xứ, chứ không phải là ba vô sắc, bởi vì đạt được diệt đỉnh thì không sinh vào cõi ấy.

Có người nói: Ở đây nên nói là ba mươi, đó là ba cõi đều cộng thêm lúc có đạo vô giáo thứ chín. Đây là dựa vào sở y của ba cõi để phân biệt, nếu dựa vào sở y của địa-xứ để phân biệt thì số lượng ấy nhiều ít, như lý cần phải suy nghĩ ! Bởi vì căn-chủng-tánh-lìa nhiễm và sở y hợp với hai-ba-bốn thì số lượng càng tăng thêm nhiều, nếu dùng sát-ma thuộc về thân để phân tích thì có vô lượng, thân chứng thì trong này nói chung là một thân chứng.

Tuệ giải thoát thì hoặc nên nói là một, đó là trong bảy loại gọi là Tuệ giải thoát. Hoặc nên nói là ba, đó là bởi vì căn. Hoặc nên nói là sáu, đó là bởi vì chủng tánh. Hoặc nên nói là chín, đó là bởi vì sở y, tức là sở y của cõi dục cho đến phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là dựa vào sở y của chín địa để phân biệt, nếu dựa vào sở y của hai mươi chín xứ để phân biệt thì thành ra hai mươi chín. Nếu dùng căn-chủng tánh và sở y hợp với hai-ba thì số lượng như lý cần phải suy nghĩ ! Nếu dùng sát-na thuộc về thân để phân tích thì có vô lượng, Tuệ giải thoát thì trong này nói chung là một Tuệ giải thoát.

Như số lượng của Tuệ giải thoát, thì câu giải thoát cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là sở y kia, bởi vì câu giải thoát không thuộc về xứ của ba vô sắc phía dưới.

Hỏi: Năm loại Bồ-đặc-già-la này đối với ba kiết cho đến chín mươi tám Tùy miên, mấy loại thành tựu, mấy loại không thành tựu?. Trong này, Tôn giả dùng Bồ-đặc-già-la làm chương mục, dùng các phiên não làm môn loại, cho nên đưa ra câu hỏi này.

Đáp: Tùy tín hành đối với ba kiết vào lúc khổ loại trí chưa hẳn đã sinh thì đều thành tựu, khổ loại trí đã sinh thì hai thành tựu, một không thành tựu, hai thành tựu đó là giới cấm thủ và nghi, bởi vì chúng gồm chung hai, bốn bộ của ba cõi, một không thành tựu đó là Tát-ca-da kiến, bởi vì nó chỉ gồm chung ba cõi do kiến khổ mà đoạn. Đối với ba căn bất thiện, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cõi dục thì đều không thành tựu, bởi vì ba căn này chỉ là hệ thuộc cõi dục; đã lìa nhiễm cõi dục thì phần vị dị sinh ấy trước đã lìa cho nên sau dựa theo đó nên biết. Đối với ba lậu, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cõi dục thì hai thành tựu, một không thành tựu,

hai thành tựu đó là hữu lậu và vô minh lậu, một không thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục thì ba thành tựu, một không thành tựu, ba thành tựu đó là hữu, kiến, vô minh bộc lưu-ách, kiến, giới cấm, ngã ngữ thủ, một không thành tựu đó là dục thuộc bộc lưu, ách, thủ. Đối với bốn thân hệ, lúc chưa lìa nhiễm cội dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục thì hai thành tựu-hai không thành tựu; hai thành tựu đó là giới cấm thủ thân hệ và chấp đây là thật thân hệ, hai không thành tựu đó là tham dục thân hệ và sân nhuế thân hệ. Đối với năm cái, lúc chưa lìa nhiễm cội dục và đạo pháp trí chưa hẳn đã sinh thì đều thành tựu, Đạo pháp trí đã sinh thì bốn thành tựu-một không thành tựu; đã lìa nhiễm cội dục thì đều không thành tựu, bởi vì năm cái chỉ là hệ thuộc cội dục; bốn thành tựu đó là bốn cái trước, một không thành tựu đó là cái nghi, bởi vì đạo pháp trí đã sinh thì nghi đã đoạn. Đối với năm kiết, lúc chưa lìa nhiễm cội dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục thì hai thành tựu-ba không thành tựu, hai thành tựu đó là kiết tham-mạn, bởi vì hệ thuộc chung cả ba cội, ba không thành tựu đó là kiết sân-Tật-Khan, bởi vì chỉ hệ thuộc cội dục. Đối với năm kiết thuận phần dưới, lúc chưa lìa nhiễm cội dục và khổ loại trí chưa hẳn đã sinh thì đều thành tựu, khổ loại trí đã sinh thì bốn thành tựu-một không thành tựu, bốn thành tựu đó là đầu và cuối đều có hai, một không thành tựu đó là hữu thân kiến; đã lìa nhiễm cội dục và khổ loại trí chưa hẳn đã sinh thì ba thành tựu-hai không thành tựu; ba thành tựu đó là ba loại sau, hai không thành tựu, hai thành tựu đó là hai loại sau, ba không thành tựu đó là ba loại đầu. Đối với năm kiết thuận phần trên, lúc chưa lìa nhiễm cội sắc thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội sắc thì bốn thành tựu-một không thành tựu, bốn thành tựu đó là trừ ra sắc tham, một không thành tựu đó là sắc tham. Đối với năm kiến, lúc khổ loại trí chưa hẳn đã sinh thì đều thành tựu, khổ loại trí đã sinh thì ba thành tựu-hai không thành tựu, ba thành tựu đó là ba loại sau, hai không thành tựu đó là hai loại đầu. Đối với sáu ái thân, lúc chưa lìa nhiễm cội dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục mà chưa lìa nhiễm cội phạm thế, thì bốn thành tựu, hai không thành tựu, bốn thành tựu đó là đầu và cuối đều có hai loại, hai không thành tựu, năm không thành tựu, một thành tựu đó là ái thân thứ sáu, năm không thành tựu đó là năm ái thân trước. Đối với bảy Tùy miên, lúc chưa lìa nhiễm cội dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục thì năm thành tựu, hai không thành tựu, năm thành tựu đó là năm loại như Hữu tham ..., hai không thành tựu đó là dục tham và sân nhuế. Đối với chín kiết, lúc chưa lìa nhiễm cội dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội dục thì sáu thành tựu, ba không thành tựu,

sáu thành tựu đó là sáu loại như ái..., ba không thành tựu đó là nhuế, tật và san. Đối với chín mười tám tùy miên, lúc chưa lìa nhiễm não vào lúc khổ pháp trí nhẫn thì tất cả tùy miên không có loại nào không thành tựu, còn lại nói rộng ra như bản luận.

Hỏi: Tại sao không nói đến đạo loại trí đã sinh?

Đáp: Đạo loại trí nếu đã sinh thì không phải là tùy tín hành, cho nên không nói đến. Như tùy tín hành, thì tùy pháp hành cũng như vậy, bởi vì hai loại này có địa-đạo-lìa nhiễm và sở y, hoặc là định hoặc là sinh không có gì không đều giống nhau, chỉ là căn cứ khác nhau, đó là người căn đánh chậm chạp thì gọi là Tùy tín hành, người căn tánh nhanh nhạy thì gọi là tùy pháp hành.

Tín thắng giải đối với ba kiết đều không thành tựu, bởi vì kiết chỉ do kiến khổ mà đoạn. Đối với ba căn bất thiện, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cõi dục thì đều không thành tựu, bởi vì chúng chỉ hệ thuộc cõi dục. Người chưa lìa nhiễm cõi dục, đó là quả Bất hoàn, hương a-la-hán; loại ấy hoặc là phần vị dị sinh đã lìa nhiễm cõi dục, hoặc đến phần vị thánh mới lìa nhiễm cõi dục, sau dựa theo đó nên biết! Đối với ba lậu, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cõi dục thì hai thành tựu-một không thành tựu, hai thành tựu đó là hữu lậu và vô minh lậu, một không thành tựu đó là dục lậu. Đối với bốn bộc lưu, ách, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì ba thành tựu-một không thành tựu, ba thành tựu đó là dục-hữu-vô minh bộc lưu-ách, một không thành tựu đó là kiến bộc lưu-ách; đã lìa nhiễm cõi dục thì hai thành tựu-hai không thành tựu, hai thành tựu đó là hữu-vô minh bộc lưu-ách, hai không thành tựu đó là dục-kiến bộ lưu-ách. Đối với bốn thủ, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì hai thành tựu-hai không thành tựu, hai thành tựu đó là dục-ngã ngữ thủ, hai không thành tựu đó là kiến, giới cấm thủ; đã lìa nhiễm cõi dục thì một thành tựu-ba không thành tựu, một thành tựu đó là một loại sau, ba không thành tựu đó là ba loại trước. Đối với bốn thân hệ, lúc chưa lìa nhiễm cõi dục thì hai thành tựu -hai không thành tựu, hai thành tựu đó là hai thân hệ trước, hai không thành tựu đó là hai thân hệ sau; đã lìa nhiễm cõi Dục thì đều không thành tựu, bởi vì hai thân hệ trước chỉ hệ thuộc cõi Dục, hai thân hệ sau chỉ hiển mà đoạn. Đối với năm cái, lúc chưa lìa nhiễm cõi Dục thì bốn thành tựu-một không thành tựu, bốn thành tựu đó là bốn cái trước, một không thành tựu đó là một cái sau; đã lìa nhiễm cõi Dục thì đều không thành tựu, bởi vì bốn cái trước-một cái sau đều hệ thuộc cõi Dục. Đối với năm Kiết, lúc chưa lìa nhiễm cõi Dục thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cõi Dục

thì hai thành tựu-ba không thành tựu, hai thành tựu đó là Kiết Tham-Mạn, ba không thành tựu đó là Sân-Tật và san. Đối với năm Kiết thuận phần dưới, lúc chưa lìa nhiễm cội Dục thì hai thành tựu-ba không thành tựu, hai thành tựu đó là hai loại trước, ba không thành tựu đó là ba loại sau; đã lìa nhiễm cội Dục thì đều không thành tựu, bởi vì hai loại trước thuộc cội Dục, ba loại sau do kiến mà đoạn. Đối với năm Kiết thuận phần trên, lúc chưa lìa nhiễm cội Sắc thì đều thành tựu, đã lìa nhiễm cội Sắc tham, một không thành tựu đó là Sắc tham. Đối với năm Kiến đều không thành tựu, bởi vì chúng chỉ do kiến mà đoạn. Đối với sáu Ái thân, lúc chưa lìa nhiễm cội Dục thì đều thành tựu; đã lìa nhiễm cội Dục mà chưa lìa nhiễm cội Phạm Thế, thì bốn thành tựu, hai không thành tựu, bốn thành tựu đó là đầu và cuối đều có hai loại, hai không thành tựu đó là hai loại giữa; đã lìa nhiễm cội Phạm Thế, thì một thành tựu-năm không thành tựu, một thành tựu đó là một loại sau, năm không thành tựu đó là năm loại trước. Đối với bảy Tùy miên, lúc chưa lìa nhiễm cội Dục thì năm thành tựu-hai không thành tựu, năm thành tựu đó là Dục tham-Sân nhuế-Hữu tham-Mạn và Vô minh, hai không thành tựu đó là Kiến và Nghi; đã lìa nhiễm cội Dục thì ba thành tựu-bốn không thành tựu, ba thành tựu đó là Hữu tham-Mạn và Vô minh, bốn không thành tựu đó là bốn loại còn lại. Đối với chín Kiết, lúc chưa lìa nhiễm cội Dục thì sáu thành tựu-ba không thành tựu, sáu thành tựu đó là Kiết Ái-Nhuế-Mạn-Vô minh-Tật và San, ba không thành tựu đó là Kiết Kiến-Thủ và Nghi; đã lìa nhiễm cội Dục thì ba thành tựu-sáu không thành tựu, ba thành tựu đó là Ái-Mạn và Vô minh, sáu không thành tựu đó là sáu loại còn lại. Đối với chín mươi tám Tùy miên, lúc chưa lìa nhiễm cội Dục thì mười thành tựu, tám mươi tám không thành tựu đó là do kiến và đoạn của ba cội; đã lìa nhiễm cội Dục mà chưa lìa nhiễm cội Sắc thì sáu thành tựu-chín mươi hai không thành tựu, sáu thành tựu đó là do tu mà đoạn của cội Sắc-Vô Sắc, chín mươi hai không thành tựu đó là kiến mà đoạn của ba cội và do tu mà đoạn của cội Dục; đã lìa nhiễm cội Sắc thì ba thành tựu-chín mươi lăm không thành tựu, ba thành tựu đó là do tu mà đoạn của cội vô Sắc chìn mươi lăm không thành tựu đó là do kiến mà đoạn của ba cội và do tu mà đoạn của cội Dục-Sắc.

Như Tín Thắng giải, thì Kiến cũng như vậy, bởi vì hai loại này có Địa-Đạo-lìa nhiễm và sở y, hoặc là định-hoặc là sinh không có gì không điều giống nhau, chỉ là căn có khác nhau, đó là người căn tánh chậm chạp thì gọi là Tín Thắng giải, người căn tánh nhanh thì gọi là Kiến chí.

Thân chứng đối với ba kiết-ba căn bất thiện đều không thành tựu, bởi vì ba kiết chỉ do kiến mà đoạn, ba căn bất thiện chỉ hệ thuộc cõi dục. Thân chứng thì chắc chắn đã lia do kiến mà đoạn của ba cõi và do tu mà đoạn của tám địa phía dưới. Đối với ba lậu thì hai thành tựu đó là dục lậu. Đối với bốn bực lưu-ách thì hai thành tựu-hai không thành tựu, hai thành tựu đó là hữu-vô minh, hai không thành tựu đó là dục và kiến. Đối với bốn thủ thì một thành tựu-ba không thành tựu, một thành tựu đó là ngã ngữ thủ, ba không thành tựu đó là ba thủ còn lại. Đối với bốn thân hệ và năm cái đều không thành tựu, bởi vì hai thân hệ trước và năm cái chỉ hệ thuộc cõi dục, hai thân hệ sau chỉ do kiến mà đoạn. Đối với năm kiết thì hai thành tựu-ba không thành tựu, hai thành tựu đó là kiết tham-mạn, ba không thành tựu đó là kiết sân-Tật và San. Đối với năm kiết thuận phần dưới đều không thành tựu, bởi vì hai loại trước chỉ hệ thuộc cõi dục, ba loại sau chỉ có kiến mà đoạn. Đối với năm kiết phần trên thì bốn thành tựu-một không thành tựu, một không thành tựu đó là sắc tham, bốn thành tựu đó là bốn loại còn lại. Đối với năm kiến đều không thành tựu, bởi vì từ lâu đã lia đối với do kiến mà đoạn. Đối với sáu ái thân thì một thành tựu-năm không thành tựu, một thành tựu đó là ái thân thứ sau, năm không thành tựu đó là năm ái thân trước. Đối với bảy tùy miên thì ba thành tựu-bốn không thành tựu, ba thành tựu đó là hữu tham-mạn và vô minh, bốn không thành tựu đó là bốn loại còn lại. Đối với chín kiết thì ba thành tựu-sáu không thành tựu, ba thành tựu đó là ái-mạn và vô minh, sáu không thành tựu đó là sáu loại còn lại. Đối với chín mươi tám Tùy miên thì ba thành tựu-chín mươi lăm không thành tựu, ba thành tựu đó là do tu mà đoạn của cõi vô sắc, chín mươi lăm không thành tựu đó là do kiến mà đoạn của ba cõi, và do tu mà đoạn của cõi dục-sắc.

Hỏi: Có thể có Thánh giả thành tựu chín mươi tám miên chăng?

Đáp: Có.

Đó là lúc người vốn có phiền não tiến vào chánh tánh ly sinh, trú trong khổ pháp trí miên mà chưa đắc quả chẳng?

Đáp: Có, đó là lúc đã lia nhiễm cõi sắc tiến vào chánh tánh ly sinh, trú trong diệt loại trí. Lúc ấy ba mươi sáu tùy miên của cõi dục, ba mươi một tùy miên của cõi sắc, hai mươi một tùy miên do kiến khổ-tập-diệt mà đoạn của cõi vô sắc đã đoạn, chưa đoạn bảy tùy miên do kiến đạo mà đoạn và ba tùy miên do tu mà đoạn của cõi vô sắc, mà chưa đắc quả bởi vì trú trong hưởng đạo.

Hỏi: có thể có đã đoạn chín mươi tám tùy miên mà chưa đắc quả

A-la-hán chẳng?

Đáp: Có, đó là đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ mà chưa lìa nhiễm của phi tưởng phi phi tưởng xứ; lúc ấy đã đoạn ba mươi sáu tùy miên của cõi dục, ba mươi một tùy miên của cõi sắc, ba mươi một tùy miên của ba vô sắc phái dưới, mà chưa đắc quả A-la-hán, bởi vì người ấy hoặc là dị sinh, hoặc là bậc bất hoàn.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói đó, bởi vì chín mươi tám tùy miên dựa vào giới mà kiến tập chứ không dựa vào địa, vì vậy câu hỏi đó nên Đáp rằng không

